

Bản án số: 1676/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28 tháng 11 năm 2019

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mây;

2. Ông Nguyễn Văn Tiên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Phong Ba – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1230/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về “V/v tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 640/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai P, sinh năm: 1989;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, Khu phố 1, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: phường A, thị xã Th, tỉnh B.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ng, sinh năm: 1983;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 3B, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: Khu phố 3B, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 26/7/2019; bản tự khai ngày 20/8/2019; các biên bản ngày 11/9/2019, 01/10/2019 thì nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Mai P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ng tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, không ai ép buộc. Vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 01/2013. Vợ chồng bà sau khi kết hôn thì sinh sống tại Quận 12. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn.

Đến khoảng đầu năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên nghiêm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do việc chăn gối vợ chồng không hòa hợp, ông Ng luôn ghen tuông vô cớ, không muốn bà có quan hệ bạn bè ngoài xã hội, ông Ng thường có lời lẽ xúc phạm bà, thậm chí còn bạo hành bà. Từ những mâu thuẫn đó, không khí gia đình ngày càng ngột ngạt, căng thẳng dần dần tình cảm vợ chồng phai nhạt. Bà đã tạo cơ hội cho ông Ng rất nhiều lần nhưng vợ chồng không thể hàn gắn. Thật sự, trong suốt thời gian sống chung với ông Ng bà sống trong sự chịu đựng và áp lực cũng vì thương con còn quá nhỏ. Nay, bà rất mệt mỏi về sức khỏe, tinh thần nên bà quyết định nộp đơn ly hôn. Tránh xảy ra xung đột giữa bà và ông Ng, bà đã dọn ra ngoài ở riêng từ tháng 07/2019 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, bà đã suy nghĩ rất nhiều về cuộc hôn nhân này, cảm thấy vợ chồng không thể cứ tiếp tục sống như thế này vì như thế chỉ hành hạ cả hai mà thôi. Thật sự bản thân bà cảm thấy tình cảm vợ chồng dành cho nhau đã không còn, cả hai không còn tôn trọng nhau, không còn khả năng hàn gắn được nữa, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận người đó. Điều đặc biệt, bà không còn tình cảm vợ chồng gì với ông Ng. Bà ly hôn với ông Ng vì muốn ổn định về cuộc sống, tinh thần, sức khỏe, không vì mục đích nào khác. Vì vậy, bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ng.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày: 18/9/2011 và Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh ngày: 07/6/2015. Để ổn định việc học tập và sinh hoạt của hai bé, bà yêu cầu giao người con chung tên Th cho ông Ng trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục vì bé là con trai và từ trước đến nay bé Th ở cùng với ông Ng; còn bà trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục bé Th vì bé là con gái và trước giờ bé Th ở cùng với bà. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung thì không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn liên tục vắng mặt và Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nào ghi nhận ý kiến, yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 05/11/2019, bị đơn – ông Nguyễn Ng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

- Tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ kết quả xác minh Công an phường T, Quận 12 xác nhận: Ông Nguyễn Ng, sinh năm 1983 thực tế đang thường trú tại Khu phố 3B, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Đây là quan hệ pháp luật “V/v tranh chấp về ly hôn”. Bị đơn cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Điều 32, 35, 36, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của đương sự; căn cứ vào giấy tờ, tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Bà Nguyễn Thị Mai P và ông Nguyễn Ng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2013 (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/01/2013; Số: 02; Quyền số: 01/2013). Hôn nhân giữa ông Ng và bà P là hợp pháp.

* Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, theo đại diện địa phương phường T, Quận 12 cho biết: Vợ chồng bà P – ông Ng có xảy ra mâu thuẫn.

Như vậy hôn nhân của vợ chồng nguyên đơn và bị đơn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, bị đơn liên tục vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng nên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

* Về con chung:

Hội đồng xét xử xét thấy vì lợi ích của con, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, học tập nên Hội đồng xét xử giao người con tên Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày: 18/9/2011 cho bị đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và giao người con tên Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh ngày: 07/6/2015 cho nguyên đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

Do nguyên đơn và bị đơn mỗi người nuôi một người con và các đương sự không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

Theo Điều 47 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Nguyên đơn được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000818 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai P được ly hôn với ông Nguyễn Ng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/01/2013; Số: 02; Quyền số: 01/2013 không còn giá trị.

1.2 Về con chung: Có 02 (hai) người con tên Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày: 18/9/2011 và Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh ngày: 07/6/2015. Giao người con tên Nguyễn Ngọc Th cho ông Nguyễn Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Và giao người con tên Nguyễn Ngọc Anh Th cho bà Nguyễn Thị Mai P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3 Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

1.4 Nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mai P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Bà Nguyễn Thị Mai P đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0024600 ngày 15/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000818 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Mai P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12;
- UBND phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Sang